

Số: /KH-UBND

Tứ Kỳ, ngày tháng 01 năm 2023

**KẾ HOẠCH
Trồng cây nhân dân năm 2023**

I. KẾT QUẢ TRỒNG CÂY NHÂN DÂN NĂM 2022

Năm 2022, với sự quan tâm của các cấp, các ngành và sự tích cực hưởng ứng của nhân dân, huyện nhà đã hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch trồng cây nhân dân, với 110.800 cây, đạt 100,7% kế hoạch (KH là 110.000 cây). Trong đó:

- Cây ăn quả: 59.720 cây, chủ yếu là chuối (42.600 cây), bưởi (1.200 cây), ổi (5.100 cây), táo (2.100 cây),...

- Cây lấy gỗ: 51.080 cây, chủ yếu là bạch đàn (16.200 cây), keo (15.100 cây),...

Một số xã đã thực hiện tốt phong trào trồng cây nhân dân như: Tân Kỳ, Văn Tổ, Chí Minh, Minh Đức, An Thanh, Quang Trung, Quang Phục,...

(Có phụ lục chi tiết kèm theo).

II. KẾ HOẠCH TRỒNG CÂY NHÂN DÂN NĂM 2023

1. Mục đích, yêu cầu

1.1. Mục đích

Đẩy mạnh phong trào trồng cây trên địa bàn huyện, tạo không khí thi đua lao động, sản xuất sôi nổi, rộng khắp trong các cơ quan, đơn vị cùng toàn thể nhân dân ngay từ những ngày đầu xuân và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái.

1.2. Yêu cầu

Chỉ đạo tích cực, tổ chức triển khai sâu sát, cụ thể, có tác dụng thiết thực, hiệu quả, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch trồng cây năm 2023. Tận dụng tối đa diện tích đất trống tại các công sở, trường học, ven đường giao thông, vườn nhà để trồng cây phân tán, cây lấy gỗ, cây ăn quả, cây bóng mát, cây cảnh... tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp.

2. Nội dung kế hoạch

2.1. Mục tiêu

Phân đầu trồng 110.000 cây, trong đó: Cây ăn quả 60.000 cây; cây lấy gỗ, phong cảnh, cây cảnh và cây khác 50.000 cây. Khuyến khích trồng các loại cây ăn quả có giá trị kinh tế như: mít, ổi, bưởi, na,... và những cây lấy gỗ, cây phong cảnh, bóng mát như: bạch đàn, keo lai, keo tai tượng, phượng, bàng,...

(Có phụ lục chỉ tiêu giao cho các xã, thị trấn kèm theo).

2.2. Nhiệm vụ và giải pháp

Để đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu Kế hoạch đề ra, UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp sau:

- Tiếp tục tập trung tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực cải tạo diện tích vườn tạp để trồng các loại cây có giá trị kinh tế và phù hợp với nhu cầu của thị trường.

- Đẩy mạnh phong trào phát triển sinh vật cảnh: Cây cảnh vừa tạo cảnh, vừa tạo nét đẹp văn hoá cho mỗi nhà. Mặt khác, nếu tập trung đầu tư kinh doanh thì cây cảnh cũng đem lại nguồn lợi kinh tế không nhỏ và hiện có nhiều gia đình đã làm giàu từ cây cảnh. Do đó, các địa phương cần tiếp tục vận động nhân dân tham gia trồng cây cảnh, góp phần đem lại nguồn thu nhập và tạo không gian xanh trong mỗi gia đình. Tiếp tục giúp và tạo điều kiện để thành lập các Hội sinh vật cảnh của địa phương, góp phần để phong trào trồng cây cảnh được phát triển rộng khắp.

- Về cây trồng: Tập trung chủ yếu vào các loại cây có giá trị kinh tế cao và thị trường tiêu thụ thuận lợi như chuối, cam, quýt, quất, đu đủ, xoài, ổi... và một số cây lấy gỗ, bóng mát.

- Về thời gian: Thực hiện trồng cây trong cả năm, nhưng tập trung chủ yếu vào vụ xuân. Vụ xuân trồng 90%, vụ thu trồng số cây còn lại. Riêng việc trồng cây vụ xuân phải thực hiện xong trước ngày 30/4/2023.

3. Tổ chức thực hiện

3.1. Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện

- Đôn đốc, kiểm tra việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch trồng cây nhân dân năm 2023 của các xã, thị trấn. Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện với UBND huyện theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn có liên quan của huyện chủ động hướng dẫn, giới thiệu các giống cây trồng tốt, phù hợp để các địa phương lựa chọn, vận động nhân dân gieo trồng. Khuyến cáo các biện pháp kỹ thuật, kinh nghiệm trồng, chăm sóc và giới thiệu các công nghệ bảo quản sau thu hoạch; hướng dẫn các xã, thị trấn thực hiện việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cải tạo vườn tạp theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Đài Phát thanh huyện

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp & PTNT huyện, UBND các xã, thị trấn tăng cường tuyên truyền về ý nghĩa, tác dụng của việc trồng cây để toàn thể nhân dân cùng hưởng ứng thực hiện.

3.3. Hạt quản lý đê huyện

Có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các xã được giao đắp vun luống tre và trồng tre chắn sóng tổ chức thực hiện theo đúng chỉ tiêu được UBND tỉnh giao.

3.4. Hội sinh vật cảnh

Tuyên truyền, vận động các hội viên của mình tích cực trao đổi kinh nghiệm trồng, chăm sóc, tạo dáng, thế để tạo ra nhiều cây cảnh có giá trị kinh tế cao.

3.4. Câu lạc bộ cây cảnh nghệ thuật huyện

Tập trung tuyên truyền, vận động các hội viên của mình tích cực trao đổi kinh nghiệm trồng, chăm sóc, tạo dáng, để tạo được nhiều cây cảnh có giá trị kinh tế cao.

3.5. Các phòng, ban, đơn vị liên quan

Phối hợp với Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, đơn đốc, kiểm tra, hướng dẫn UBND các xã, thị trấn, các đơn vị triển khai thực hiện Kế hoạch trồng cây nhân dân năm 2023 đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu đề ra.

3.6. UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, trường học, xí nghiệp, trạm, trại trên toàn huyện

Chủ động triển khai thực hiện Kế hoạch trồng cây nhân dân năm 2023 của huyện. Phân đầu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch UBND huyện giao.

3.7. Ủy ban MTTQ, các tổ chức Đoàn thể nhân dân

Chỉ đạo các cấp hội phối hợp chặt chẽ với chính quyền cùng cấp tổ chức tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên hưởng ứng và tích cực tham gia các nội dung Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch trồng cây nhân dân năm 2023, UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị triển khai tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Thường trực Huyện uỷ;
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị trong huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Văn Soái

Kết quả thực hiện kế hoạch trồng cây nhân dân năm 2022 và
Chỉ tiêu kế hoạch Trồng cây nhân dân năm 2023
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 01 năm 2023
của UBND huyện Tứ Kỳ)

TT	Xã, thị trấn	Kết quả thực hiện năm 2022			Kế hoạch năm 2023		
		Tổng	Trong đó (cây)		Tổng	Trong đó (cây)	
			Cây ăn quả	Cây lấy gỗ, phong cảnh, bóng mát		Cây ăn quả	Cây lấy gỗ, phong cảnh, bóng mát
1	Đại Sơn	5.300	3.080	2.220	5.100	2.600	2.500
2	Hưng Đạo	4.720	2.850	1.870	5.000	2.600	2.400
3	Ngọc Kỳ	4.550	3.030	1.520	4.500	2.500	2.000
4	Tái Sơn	4.230	2.760	1.470	4.600	2.600	2.000
5	Bình Lãng	3.400	1.840	1.560	3.000	1.400	1.600
6	Quang Phục	5.970	3.120	2.850	5.900	2.800	3.100
7	Tân Kỳ	5.550	3.350	2.200	5.900	2.900	3.000
8	Đại Hợp	3.340	1.460	1.880	3.400	1.900	1.500
9	Dân Chủ	3.530	2.010	1.520	3.700	1.900	1.800
10	Quảng Nghiệp	3.320	1.980	1.340	3.900	2.100	1.800
11	Chí Minh	8.450	6.070	2.380	9.600	5.400	4.200
12	Thị trấn Tứ Kỳ	2.150	1.000	1.150	2.100	1.100	1.000
13	Minh Đức	7.640	2.260	5.380	7.800	4.800	3.000
14	Quang Khải	4.380	2.350	2.030	4.600	2.600	2.000
15	Văn Tố	5.140	2.290	2.850	5.500	2.800	2.700
16	Phượng Kỳ	3.320	2.020	1.300	3.000	1.500	1.500
17	An Thanh	5.510	4.310	1.200	6.000	3.400	2.600
18	Cộng Lạc	4.690	2.170	2.520	4.500	2.500	2.000
19	Quang Trung	5.370	3.050	2.320	4.500	2.500	2.000
20	Tiên Động	5.010	2.830	2.180	4.100	2.400	1.700
21	Nguyên Giáp	4.610	1.560	3.050	4.700	2.700	2.000
22	Hà Thanh	5.150	2.280	2.870	4.200	2.400	1.800
23	Hà Kỳ	5.470	2.050	3.420	4.400	2.600	1.800
Tổng cộng		110.800	59.720	51.080	110.000	60.000	50.000

